

Số: 0234.26/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 8 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 0775.26



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH
Địa chỉ : Số 539B, khu phố Tam Phước, phường Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
Người lấy mẫu : Nguyễn Thị Đan Thanh
Địa điểm lấy mẫu : NMN An Hóa
Ngày lấy mẫu : 12/8/2026
Tên mẫu : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ
Lượng mẫu : 2.5 L
Ngày nhận mẫu : 12/08/2026
Thời gian thử nghiệm : 12/08/2026 - 20/08/2026
Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2.0 lít, mẫu vi sinh đựng trong chai nhựa 500ml.
Mẫu đậy kín, bảo quản nhiệt độ thường.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	< LOQ = 6 TCU	≤ 15
3	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	7,54	6,0 - 8,5
4	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	1,5	≤ 2
5	Hàm lượng Clo dư (mg/l)	SMEWW 4500-Cl B - 2023	0,31	0,2 - 1,0
6	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 3
7	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCDP 01:2022/BTr.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM -
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Lê Hồng Phương



Hoàng Thị Quỳnh Diệu

Số: 0234.26/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 14 tháng 8 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Mã số mẫu: 0776.26



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH
Địa chỉ : Số 539B, khu phố Tam Phước, phường Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
Người lấy mẫu : Nguyễn Thị Đan Thanh
Địa điểm lấy mẫu : Hộ Bùi Quang Khải - Ấp Giao Hòa, xã Giao Long
Ngày lấy mẫu : 12/8/2026
Tên mẫu : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ
Lượng mẫu : 2.5 L
Ngày nhận mẫu : 12/08/2026
Thời gian thử nghiệm : 12/08/2026 - 20/08/2026
Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2.0 lít, mẫu vi sinh đựng trong chai nhựa 500ml.
Mẫu đậy kín, bảo quản nhiệt độ thường.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	< LOQ = 6 TCU	≤ 15
3	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	7,55	6,0 - 8,5
4	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	1,4	≤ 2
5	Hàm lượng Clo dư (mg/l)	SMEWW 4500-Cl B - 2023	0,31	0,2 - 1,0
6	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 3
7	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCĐP 01:2022/BTr.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM –
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THẨM ĐO CHỨC NĂNG

Lê Hồng Phương



Hoàng Thị Quỳnh Diệu

Số: 0234.26/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 8 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Mã số mẫu: 0777.26



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH
Địa chỉ : Số 539B, khu phố Tam Phước, phường Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
Người lấy mẫu : Nguyễn Thị Đan Thanh
Địa điểm lấy mẫu : Hộ Nguyễn Quang Nghiệp - Ấp Giao Hòa, xã Giao Long
Ngày lấy mẫu : 12/8/2026
Tên mẫu : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ
Lượng mẫu : 2.5 L
Ngày nhận mẫu : 12/08/2026
Thời gian thử nghiệm : 12/08/2026 - 20/08/2026
Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2.0 lít, mẫu vi sinh đựng trong chai nhựa 500ml.
Mẫu đầy kín, bảo quản nhiệt độ thường.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	< LOQ = 6 TCU	≤ 15
3	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	7,40	6,0 - 8,5
4	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	1,3	≤ 2
5	Hàm lượng Clo dư (mg/l)	SMEWW 4500-Cl B - 2023	0,22	0,2 - 1,0
6	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 3
7	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCDP 01:2022/BTr.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM –
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THÂM ĐÒ CHỨC NĂNG

Lê Hồng Phương



Hoàng Thị Quỳnh Diệu

Số: 0234.26/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 8 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Mã số mẫu: 0778.26



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH
Địa chỉ : Số 539B, khu phố Tam Phước, phường Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
Người lấy mẫu : Nguyễn Thị Đan Thanh
Địa điểm lấy mẫu : NMN An Phước
Ngày lấy mẫu : 12/8/2026
Tên mẫu : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ
Lượng mẫu : 2.5 L
Ngày nhận mẫu : 12/08/2026
Thời gian thử nghiệm : 12/08/2026 - 20/08/2026
Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2.0 lít, mẫu vi sinh đựng trong chai nhựa 500ml.
Mẫu đầy kín, bảo quản nhiệt độ thường.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	< LOQ = 6 TCU	≤ 15
3	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	7,30	6,0 - 8,5
4	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	0,95	≤ 2
5	Hàm lượng Clo dư (mg/l)	SMEWW 4500-Cl B - 2023	0,22	0,2 - 1,0
6	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 3
7	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCDP 01:2022/BTr.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM –
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Lê Hồng Phương



Hoàng Thị Minh Diệu

Số: 0234.26/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 8 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 0779.26



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH
Địa chỉ : Số 539B, khu phố Tam Phước, phường Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
Người lấy mẫu : Nguyễn Thị Đan Thanh
Địa điểm lấy mẫu : Hộ Tạ Thị Hồng - Ấp Phước Hậu, xã Giao Long
Ngày lấy mẫu : 12/8/2026
Tên mẫu : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ
Lượng mẫu : 2.5 L
Ngày nhận mẫu : 12/08/2026
Thời gian thử nghiệm : 12/08/2026 - 20/08/2026
Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2.0 lít, mẫu vi sinh đựng trong chai nhựa 500ml.
Mẫu đầy kín, bảo quản nhiệt độ thường.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	< LOQ = 6 TCU	≤ 15
3	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	7,28	6,0 - 8,5
4	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	1,1	≤ 2
5	Hàm lượng Clo dư (mg/l)	SMEWW 4500-CI B - 2023	0,27	0,2 - 1,0
6	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 3
7	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCDP 01:2022/BTr.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM -
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THẨM DÒ CHỨC NĂNG

Lê Hồng Phương



Hoàng Thị Quỳnh Diệu

Số: 0234.26/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 8 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Mã số mẫu: 0780.26



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH
Địa chỉ : Số 539B, khu phố Tam Phước, phường Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
Người lấy mẫu : Nguyễn Thị Đan Thanh
Địa điểm lấy mẫu : Hộ Bùi Thị Việt - Ấp Phước Hậu, xã Giao Long
Ngày lấy mẫu : 12/8/2026
Tên mẫu : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ
Lượng mẫu : 2.5 L
Ngày nhận mẫu : 12/08/2026
Thời gian thử nghiệm : 12/08/2026 - 20/08/2026
Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2.0 lít, mẫu vi sinh đựng trong chai nhựa 500ml.
Mẫu đậy kín, bảo quản nhiệt độ thường.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	< LOQ = 6 TCU	≤ 15
3	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	7,16	6,0 - 8,5
4	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	1,0	≤ 2
5	Hàm lượng Clo dư (mg/l)	SMEWW 4500-Cl B - 2023	0,27	0,2 - 1,0
6	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 3
7	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCDP 01:2022/BTr.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM –
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THẨM DÒ CHỨC NĂNG

Lê Hồng Phương



Hoàng Thị Quỳnh Diệu

Số: 0234.26/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 8 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Mã số mẫu: 0781.26



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH
Địa chỉ : Số 539B, khu phố Tam Phước, phường Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
Người lấy mẫu : Nguyễn Thị Đan Thanh
Địa điểm lấy mẫu : NMN Tam Phước
Ngày lấy mẫu : 12/8/2026
Tên mẫu : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ
Lượng mẫu : 2.5 L
Ngày nhận mẫu : 12/08/2026
Thời gian thử nghiệm : 12/08/2026 - 20/08/2026
Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2.0 lít, mẫu vi sinh đựng trong chai nhựa 500ml.
Mẫu đậy kín, bảo quản nhiệt độ thường.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	< LOQ = 6 TCU	≤ 15
3	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	7,07	6,0 - 8,5
4	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	0,52	≤ 2
5	Hàm lượng Clo dư (mg/l)	SMEWW 4500-Cl B - 2023	0,22	0,2 - 1,0
6	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 3
7	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCĐP 01:2022/BTr.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM -
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THẨM ĐO CHỨC NĂNG

Lê Hồng Phương



Hoàng Thị Quỳnh Diệu

Số: 0234.26/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 8 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Mã số mẫu: 0782.26



VILAS 502

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH
Địa chỉ : Số 539B, khu phố Tam Phước, phường Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
Người lấy mẫu : Nguyễn Thị Đan Thanh
Địa điểm lấy mẫu : Hộ Chu Tường An - Khu phố Phú Hữu, phường Phú Tân
Ngày lấy mẫu : 12/8/2026
Tên mẫu : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ
Lượng mẫu : 2.5 L
Ngày nhận mẫu : 12/08/2026
Thời gian thử nghiệm : 12/08/2026 - 20/08/2026
Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2.0 lít, mẫu vi sinh đựng trong chai nhựa 500ml.
Mẫu đậy kín, bảo quản nhiệt độ thường.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	< LOQ = 6 TCU	≤ 15
3	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	7,13	6,0 - 8,5
4	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	< LOQ = 0,5 NTU	≤ 2
5	Hàm lượng Clo dư (mg/l)	SMEWW 4500-Cl B - 2023	0,22	0,2 - 1,0
6	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 3
7	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCDP 01:2022/BTr.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM –
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THẨM DÒ CHỨC NĂNG

Lê Hồng Phương



Hoàng Thị Quỳnh Diệu

Số: 0234.26/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 14 tháng 8 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Mã số mẫu: 0783.26



VILAS 502

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH
Địa chỉ : Số 539B, khu phố Tam Phước, phường Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
Người lấy mẫu : Nguyễn Thị Đan Thanh
Địa điểm lấy mẫu : Hộ Nguyễn Thị Phụng - Ấp Phú Ngãi, xã Giao Long
Ngày lấy mẫu : 12/8/2026
Tên mẫu : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ
Lượng mẫu : 2.5 L
Ngày nhận mẫu : 12/08/2026
Thời gian thử nghiệm : 12/08/2026 - 20/08/2026
Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2.0 lít, mẫu vi sinh đựng trong chai nhựa 500ml.
Mẫu đậy kín, bảo quản nhiệt độ thường.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	< LOQ = 6 TCU	≤ 15
3	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	7,17	6,0 - 8,5
4	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	< LOQ = 0,5 NTU	≤ 2
5	Hàm lượng Clo dư (mg/l)	SMEWW 4500-Cl B - 2023	0,22	0,2 - 1,0
6	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 3
7	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCDP 01:2022/BTr.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM –
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THẨM DÒ CHỨC NĂNG

Lê Hồng Phương



Hoàng Thị Quỳnh Diệu

Số: 0234.26/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 21 tháng 8 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Mã số mẫu: 0784.26



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH
Địa chỉ : Số 539B, khu phố Tam Phước, phường Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
Người lấy mẫu : Nguyễn Thị Đan Thanh
Địa điểm lấy mẫu : NMN An Hiệp
Ngày lấy mẫu : 12/8/2026
Tên mẫu : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ
Lượng mẫu : 2.5 L
Ngày nhận mẫu : 12/08/2026
Thời gian thử nghiệm : 12/08/2026 - 20/08/2026
Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2.0 lít, mẫu vi sinh đựng trong chai nhựa 500ml.
Mẫu đậy kín, bảo quản nhiệt độ thường.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	< LOQ = 6 TCU	≤ 15
3	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	7,22	6,0 - 8,5
4	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	< LOQ = 0,5 NTU	≤ 2
5	Hàm lượng Clo dư (mg/l)	SMEWW 4500-Cl B - 2023	0,31	0,2 - 1,0
6	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 3
7	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCDP 01:2022/BTr.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM -
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THÂM DÒ CHỨC NĂNG

Lê Hồng Phương



Hoàng Thị Quỳnh Diệu

Số: 0234.26/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 8 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Mã số mẫu: 0785.26



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH
Địa chỉ : Số 539B, khu phố Tam Phước, phường Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
Người lấy mẫu : Nguyễn Thị Đan Thanh
Địa điểm lấy mẫu : Hộ Nguyễn Văn Xương - Ấp Hòa Thanh, xã Phú Túc
Ngày lấy mẫu : 12/8/2026
Tên mẫu : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ
Lượng mẫu : 2.5 L
Ngày nhận mẫu : 12/08/2026
Thời gian thử nghiệm : 12/08/2026 - 20/08/2026
Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2.0 lít, mẫu vi sinh đựng trong chai nhựa 500ml.
Mẫu đậy kín, bảo quản nhiệt độ thường.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	< LOQ = 6 TCU	≤ 15
3	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	7,07	6,0 - 8,5
4	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	< LOQ = 0,5 NTU	≤ 2
5	Hàm lượng Clo dư (mg/l)	SMEWW 4500-Cl B - 2023	0,22	0,2 - 1,0
6	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 3
7	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCDP 01:2022/BTr.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM –
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THẨM DÒ CHỨC NĂNG

Lê Hồng Phương



GIÁM ĐỐC
PHÒNG KIỂM ĐỐC

Hoàng Thị Quỳnh Diệu

Số: 0234.26/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 8 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Mã số mẫu: 0786.26



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH
Địa chỉ : Số 539B, khu phố Tam Phước, phường Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
Người lấy mẫu : Nguyễn Thị Đan Thanh
Địa điểm lấy mẫu : Hộ Nguyễn Thị Phụng Linh - Ấp Hòa Thanh, xã Phú Túc
Ngày lấy mẫu : 12/8/2026
Tên mẫu : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ
Lượng mẫu : 2.5 L
Ngày nhận mẫu : 12/08/2026
Thời gian thử nghiệm : 12/08/2026 - 20/08/2026
Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2.0 lít, mẫu vi sinh đựng trong chai nhựa 500ml.
Mẫu đậy kín, bảo quản nhiệt độ thường.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	< LOQ = 6 TCU	≤ 15
3	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	7,10	6,0 - 8,5
4	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	< LOQ = 0,5 NTU	≤ 2
5	Hàm lượng Clo dư (mg/l)	SMEWW 4500-Cl B - 2023	0,22	0,2 - 1,0
6	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 3
7	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCĐP 01:2022/BTr.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM –
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THẨM DÒ CHỨC NĂNG

Lê Hồng Phương



Hoàng Thị Quỳnh Diệu